

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

V/v: “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Ân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về: “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chu Thị Hồng N**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: **Khu F, T, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa.**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh H**; Sinh năm: 1985

Địa chỉ: **Khu phố L, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa có mặt chị **N** và anh **H**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Chu Thị Hồng N** trình bày:

Chị và anh **Nguyễn Thanh H** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 13/11/2006 và cháu **Nguyễn Yến N1**, sinh ngày 22/05/2012. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2019/QĐST – HNGĐ ngày

17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã ghi nhận thỏa thuận về con chung là giao cháu **K** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **N1** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên, từ khi ly hôn cháu **N1** vẫn ở với chị được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng của cháu muốn được ở với mẹ và hiện nay chị đang làm **S** có thu nhập ổn định là 15.000.000 đồng mỗi tháng chị có đủ điều kiện để nuôi dạy tốt con. Đến nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu **N1** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho tới khi cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Tại văn bản trình bày ý kiến 21/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án anh **Nguyễn Thanh H** trình bày:

Anh và chị **Chu Thị Hồng N** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 13/11/2006 và cháu **Nguyễn Yến N1**, sinh ngày 22/05/2012. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2019/QĐST – HNGĐ ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã ghi nhận thỏa thuận về con chung là giao cháu **K** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **N1** cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Từ khi vợ, chồng ly hôn anh vẫn để cháu **N1** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là vì cháu đang còn nhỏ cần mẹ chăm sóc. Đến nay, chị **N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu **N1** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N** mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho tới khi cháu **N1** đủ 18 tuổi. Anh không đồng ý. Vì hiện tại cháu **N1** đến nay đã lớn và chị **N** không thường xuyên có mặt tại địa phương và giao cháu cho ông, bà ngoại chăm sóc, không đảm bảo thời gian để chăm sóc cháu **N1** và dạy bảo cháu trong việc học tập. Anh hiện nay có nhà riêng và có thu nhập ổn định 12.000.000 đồng mỗi tháng và có đầy đủ điều kiện để chăm sóc cháu hơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81; 82, Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Giao cháu **Nguyễn Yến N1**, sinh ngày 22/05/2012 cho chị **Chu Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Thanh H** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **N1** cùng chị **N** mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 06/2023 cho tới khi cháu **N1** đủ 18 tuổi; Về án phí anh **Nguyễn Thanh H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị **Chu Thị Hồng N** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh **Nguyễn Thanh H1**. Anh **H** cư trú tại **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Nên xác định đây là vụ án tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị **Chu Thị Hồng N**: Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 42/2019/QĐST – HNGĐ ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành đã ghi nhận thỏa thuận về con chung là giao cháu **K** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu **N1** cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Từ sau khi tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa ra quyết định công nhận thì cháu **N1** vẫn ở cùng chị **N** được chị **N** chăm sóc nuôi dưỡng, anh **H** không đóng góp tiền cùng chị **N** nuôi dưỡng cháu **N1**. Đến nay nguyện vọng của cháu **N1** muốn được ở với mẹ, chị **N** tuy làm lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định từ khi chị **N** và anh **H** ly hôn đến nay đã hơn 4 năm chị vẫn trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N1** phát triển tốt cả về sức khỏe và học tập, mặt khác cháu **N1** là con gái đang ở độ tuổi phát triển cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ do đó căn cứ vào điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N** giao cháu **N1** cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị **N** yêu cầu anh **H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh **H** hiện tại có công việc ổn định có thu nhập là 12.000.000 đồng mỗi tháng do đó yêu cầu cấp dưỡng của chị **N** là có cơ sở và phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của chị **N** được chấp nhận nên anh **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 81; 82, Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giao cháu **Nguyễn Yến N1**, sinh ngày 22/05/2012 cho chị **Chu Thị Hồng N** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Nguyễn Thanh H** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **N1** cùng chị **N** mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 06/2023 cho tới khi cháu **N1** đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Về án phí: Anh **Nguyễn Thanh H** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Trả lại cho chị **Chu Thị Hồng N** số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) là số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007934 ngày 02/02/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị **Chu Thị Hồng N** và anh **Nguyễn Thanh H**. Chị **N** và anh **H** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Dần

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải